

Số: /2021/TT- NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng Các ngành kinh tế;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Bổ sung khoản 3 Điều 1 như sau:

“3. Trong thời gian Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành, các khoản nợ quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư 09/2015/TT-NHNN nếu thuộc đối tượng của Nghị quyết số 42/2017/QH14 thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện mua, bán các khoản nợ này theo quy định tại Nghị quyết số 42/2017/QH14 và quy định tại Thông tư này.”.

2. Sửa đổi khoản 4 và bổ sung khoản 7a, khoản 9, khoản 10 Điều 3 như sau:

“4. Bên mua nợ là tổ chức, cá nhân, bao gồm:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoạt động mua nợ;

b) Tổ chức khác, cá nhân (bao gồm cả người cư trú và người không cư trú).

7a. *Giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ*: gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng.

9. *Khoản nợ đã hoàn thành việc mua, bán nợ* là khoản nợ mà bên mua nợ đã thực hiện thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ cho bên bán nợ, đồng thời bên bán nợ đã chuyển giao toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của khoản nợ được mua, bán cho bên mua nợ và khoản nợ đã thuộc quyền sở hữu của bên mua nợ.

10. *Khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ* là khoản nợ đã được các bên ký hợp đồng mua, bán nợ nhưng hiện bên mua nợ chưa thanh toán đủ số tiền mua nợ cho bên bán nợ và bên mua nợ chưa được nhận chuyển giao quyền chủ sở hữu khoản nợ từ bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.”.

3. Sửa đổi khoản 4, khoản 6 và bổ sung khoản 6a, khoản 11 Điều 5 như sau:

“4. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải ban hành quy định nội bộ về hoạt động mua, bán nợ (trong đó có quy định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua, bán nợ; phương thức mua, bán nợ, phương thức thanh toán; quy trình mua, bán nợ; quy trình, phương pháp định giá khoản nợ; quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động mua, bán nợ) trước khi thực hiện mua, bán nợ.

6. Bên bán nợ không mua lại các khoản nợ đã bán trừ trường hợp mua lại khoản nợ đã bán theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt.

6a. Bên bán nợ không được cam kết bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của bên nợ đối với bên mua nợ.

11. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cấp tín dụng cho khách hàng để mua nợ của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.”.

4. Sửa đổi khoản 2, Điều 10 như sau:

“2. Đấu giá: bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.”.

5. Sửa đổi Điều 12 như sau:

“Điều 12. Định giá khoản nợ

Việc định giá khoản nợ được thực hiện theo quy định pháp luật về giá. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xác định giá mua, bán nợ đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá như sau:

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài xác định giá mua, bán nợ, giá khởi điểm theo một trong các căn cứ sau:

a) Giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai, phân loại nhóm khoản nợ, tình hình tài chính khách hàng vay, cung cầu thị trường và các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá trị khoản nợ, khả năng thu hồi khoản nợ, tình trạng và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có) của khoản nợ tại thời điểm định giá.

b) Quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính về các tiêu chuẩn thẩm định giá.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ đối với mua bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá để Hội đồng mua, bán nợ quyết định.”.

6. Sửa đổi Điều 14 như sau:

“Điều 14. Chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ đã được thanh toán đủ số tiền mua, bán nợ theo hợp đồng

1. Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ kể từ thời điểm theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ.

2. Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm khoản nợ đó (nếu có). Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Việc thực hiện đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật về đăng ký biện pháp bảo đảm.

3. Bên mua nợ, bên nợ và bên bảo đảm có thể thỏa thuận việc điều chỉnh biện pháp bảo đảm đối với khoản nợ được mua, bán phù hợp quy định của pháp luật.”.

7. Bổ sung Điều 15a như sau:

“Điều 15a. Quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ

Việc quản lý theo dõi trong trường hợp bán một phần khoản nợ hoặc bán một khoản nợ cho nhiều bên mua nợ theo quy định tại khoản 9 Điều 5 Thông tư này được thực hiện theo nguyên tắc:

1. Trường hợp bên bán nợ còn sở hữu một phần khoản nợ được bán, bên bán nợ tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ. Phần nợ chưa bán, bên bán nợ tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

Trường hợp bên bán nợ không còn là chủ sở hữu của khoản nợ được bán nhưng các bên có nhu cầu, bên bán nợ được tiếp tục làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm của khoản nợ và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ theo thỏa thuận.

2. Quyền, nghĩa vụ của các bên và việc xử lý các vấn đề phát sinh trong trường hợp bên bán nợ làm đầu mối thực hiện quản lý hồ sơ, tài liệu, các biện pháp bảo đảm và các vấn đề khác liên quan của khoản nợ quy định tại khoản 1

Điều này được thực hiện theo hợp đồng do các bên thỏa thuận phù hợp theo quy định pháp luật.”.

8. Sửa đổi Điều 20 như sau:

“Điều 20. Quản lý, theo dõi đối với các khoản nợ chưa hoàn thành việc mua, bán nợ

1. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ phải quản lý, theo dõi và trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ khoản nợ được bán như quy định đối với khoản nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho đến khi bên mua nợ thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ và bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ.

Số tiền bán nợ mà bên mua nợ đã trả, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ theo dõi vào tài khoản phù hợp như đối với khoản phải trả. Khi bên mua nợ thanh toán đầy đủ số tiền mua nợ theo hợp đồng mua bán nợ, bên bán nợ thực hiện quản lý, theo dõi, xử lý tài chính đối với khoản nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này.

2. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ

Số tiền mua nợ đã trả cho bên bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, quản lý, theo dõi như đối với khoản phải thu theo quy định pháp luật về hạch toán kế toán.

3. Việc tính lãi hoặc không tính lãi đối với số tiền bên mua nợ trả trước trong thời gian từ thời điểm bên mua nợ trả trước tiền mua nợ cho đến khi bên mua nợ hoàn thành việc thanh toán nốt số tiền mua nợ theo hợp đồng, do bên mua nợ và bên bán nợ thỏa thuận trong hợp đồng mua, bán nợ.”.

9. Sửa đổi Điều 21 như sau:

“Điều 21. Quản lý, theo dõi, xử lý tài chính đối với khoản nợ đã hoàn thành mua, bán nợ

1. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ

a) Đối với khoản nợ đang hạch toán nội bảng

a1) Việc xử lý thu hồi nợ được thực hiện theo nguyên tắc: thu hồi nợ gốc trước, nợ lãi sau.

a2) Trường hợp nếu giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ: Phần chênh lệch giữa giá bán nợ và giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ghi nhận vào thu nhập.

a3) Trường hợp nếu giá bán nợ thấp hơn giá trị ghi sổ nội bảng của khoản nợ, ngoài số tiền thu được từ bán nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bán nợ sử dụng tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm (nếu có) để thu hồi nợ. Sau khi sử dụng hết số tiền thu được từ bán nợ, tiền bồi thường, tiền bảo hiểm nêu trên để thu hồi nợ mà vẫn thiếu, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện như sau:

Đối với số nợ gốc: Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài sử dụng dự phòng được trích lập trong chi phí, trường hợp thiếu được bù đắp bằng quỹ dự phòng tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp quỹ dự phòng tài chính không đủ bù đắp thì phần thiếu được hạch toán vào chi phí khác trong kỳ.

Đối với số nợ lãi: Trường hợp, nếu số nợ lãi đang được ghi nhận nội bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hạch toán giảm thu nhập hoặc hạch toán vào chi phí theo quy định về hướng dẫn chế độ tài chính của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Trường hợp, nếu số nợ lãi đang được ghi nhận ngoại bảng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện xuất toán khỏi ngoại bảng số nợ lãi của khoản nợ đã bán.

b) Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán: Số tiền bán khoản nợ được ghi nhận vào thu nhập khác của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ quản lý theo dõi riêng khoản nợ được mua, đảm bảo phân định được các khoản nợ mua với các khoản nợ hình thành từ hoạt động cấp tín dụng của chính tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tính số tiền đã mua nợ vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với bên nợ.

Số tiền mua nợ, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro theo quy định pháp luật như đối với khoản cấp tín dụng và theo các điều kiện tại hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua (thời hạn trả nợ, kế hoạch trả nợ, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi, phí,...).

b) Xử lý tài chính khi thu nợ của khoản nợ đã mua.

b1) Trường hợp số tiền mua nợ thực tế nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ được mua.

Số tiền nợ gốc thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền thực tế đã mua nợ. Trường hợp, số tiền thực tế mua nợ đã được thu hồi hết, số tiền thu nợ gốc theo hợp đồng tín dụng được ghi nhận vào thu nhập.

Số tiền nợ lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, ghi nhận vào thu nhập.

b2) Trường hợp số tiền mua nợ lớn hơn số dư nợ gốc của khoản nợ được mua.

Số tiền nợ gốc, lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ, hạch toán thu hồi vào số tiền thực tế đã mua nợ. Đến thời điểm khi số tiền mua nợ còn lại nhỏ hơn hoặc bằng số dư nợ gốc của khoản nợ tại thời điểm đó, số tiền nợ gốc, lãi thu được theo hợp đồng tín dụng của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua nợ thực hiện xử lý theo quy định tại tiết b1, khoản 2, Điều này.

3. Các khoản phát sinh do chênh lệch tỷ giá khi mua nợ, bán nợ, thu hồi nợ của khoản nợ đã mua, tổ chức tín dụng chi nhánh ngân hàng nước ngoài xử lý, hạch toán theo quy định hiện hành về chế độ tài chính, kế toán của tổ chức tín dụng.”.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

Các hợp đồng mua, bán nợ đã ký trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, bên mua nợ, bên bán nợ và các bên có liên quan được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký và các quy định của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 trước khi được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư này.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng Các ngành kinh tế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2021. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu VP, PC, TDCNKT (5).

THỐNG ĐỐC